

TRÌNH BÀY CÁN CÂN THANH TOÁN - TIẾP CẬN MỚI CẬP NHẬT¹

Châu Văn Thành

Các tổ chức khác nhau đôi lúc sử dụng các phương pháp khác nhau để trình bày một bảng Cán cân Thanh toán (BOP). Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) trình bày BOP của Hoa Kỳ khác với cách trình bày của Phòng Phân tích Kinh tế Hoa Kỳ (BEA – US Bureau of Economic Analysis) chẳng hạn. May mắn là một khi chúng ta hiểu được các khái niệm về BOP căn bản thì cũng có thể dễ dàng hiểu được các tiếp cận khác nhau này.

Kể từ năm 2014, IMF đã bắt đầu đưa vào áp dụng cách trình bày mới về BOP. Sổ tay BOP xuất bản lần thứ 6 (Balance of Payments Manual – BPM6) hướng dẫn chi tiết những thay đổi này. BEA Hoa Kỳ và nhiều tổ chức khác cũng sẽ điều chỉnh theo tiếp cận mới trong những năm sắp tới. (Bảng 6-2 là một dạng mẫu đầu tiên mà BEA kỳ vọng sẽ áp dụng theo BPM6). Tiếp cận mới được thiết kế nhằm phản ánh tốt hơn về các giao dịch trong thế giới thực của chúng ta, chính vì thế nhiều người có thể nhận ra rằng cách trình bày theo phương pháp mới sẽ có ý nghĩa hơn cách tiếp cận trước đây.

Dữ liệu của các khoản mục chính của BOP như là tài khoản vãng lai (CA), tài khoản vốn, tài khoản tài chính (KA) và các khoản sai và sót (EO) sẽ không thay đổi trong phiên bản BPM6². Các mục trong CA cũng duy trì như thông thường, ví dụ như xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ. Tuy nhiên, hệ thống mới trình bày *cả xuất khẩu và nhập khẩu* đều là những số *duong*. Do vậy, cán cân thương mại bằng xuất khẩu *trừ* nhập khẩu, thay vì bằng xuất khẩu *cộng* nhập khẩu. Ngoài ra, một số đề mục cũng thay đổi: “thu nhập (income)” sẽ được gọi là “thu nhập sơ cấp (primary income)”, và “chuyển nhượng (transfers)” sẽ được gọi là “thu nhập thứ cấp (secondary income)”.

¹ Biên soạn và phát triển từ David Moss (2014)

² Các tiêu đề trong phiên bản mẫu đầu tiên của bảng 6-2 có thay đổi so với bảng 6-1 là bởi vì BEA cấu trúc BOP theo phiên bản mới BPM6, trong khi đó, bảng 6-1 được xây dựng với phiên bản cũ BPM5.

Trong bảng BOP mới, một số loại giao dịch được sắp xếp lại. Ví dụ, giả sử như một công ty của Hoa Kỳ mua điện thoại thông minh từ một nhà sản xuất Trung Quốc và sau đó bán chúng lại cho các khách hàng của Pháp. Theo cách cũ, công ty Hoa Kỳ được xem như đang thực hiện một dịch vụ liên quan đến ngành chế tạo. Giá trị gia tăng (lợi nhuận sau khi trừ đi các khoản chi phí) được tính dưới dạng khoản mục xuất khẩu dịch vụ. Trong hệ thống mới, Hoa Kỳ được xem là nhập khẩu điện thoại và sau đó tái xuất khẩu chúng sang Pháp. Chính vì vậy mà giao dịch này được tính vào mục hàng hóa (goods) (như là một khoản mục nhập khẩu và xuất khẩu), thay vì tính dưới dạng khoản mục dịch vụ (services).

Cho đến hiện giờ, *những thay đổi quan trọng nhất trong phiên bản BPM6 gần như liên quan đến tài khoản tài chính (financial account)*. Theo hệ thống mới, đầu tư ròng dưới bất kỳ dạng nào, như là đầu tư trực tiếp hay gián tiếp, sẽ bằng tích lũy tài sản (assets) trừ đi tích lũy nghĩa vụ nợ (liabilities hay các dòng vốn vào “incurrence”). Cả hai khoản mục như là khoản tăng một tài sản và khoản tăng một khoản nghĩa vụ nợ đều được gán số dương; và cả hai khoản mục - giảm một tài sản và giảm một khoản nghĩa vụ nợ đều được gán là số âm. Ví dụ, nếu một người Mỹ mua một cổ phiếu hay trái phiếu của Mexico bằng cách ghi séc thanh toán tại một ngân hàng của Hoa Kỳ, hệ thống mới sẽ ghi tăng tài sản của Hoa Kỳ (trái phiếu hay cổ phiếu nước ngoài) với một con số dương, trong khi hệ thống cũ, giao dịch này sẽ được ghi vào con số âm. Hệ thống mới cũng ghi gia tăng nghĩa vụ nợ cho giao dịch này (tấm séc thanh toán được viết cho một tổ chức nước ngoài) là một con số dương, nhưng cuối cùng thì thay đổi của các tài sản *trừ* thay đổi của các khoản nghĩa vụ nợ sẽ xác định trạng thái số dư hay cán cân của mỗi mục (như là đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp và các hoạt động đầu tư khác) hay của chính cán cân của tài khoản tài chính. *Cuối cùng thì: cho vay ròng ra nước ngoài được ghi trong hệ thống mới là số dư dương trong tài khoản tài chính và đi vay ròng từ nước ngoài được ghi là số dư âm - một cách ghi nghịch lại với hệ thống truyền thống.*

Chính vì cách ghi của tiếp cận mới này, các tài khoản chính của BOP (tài khoản vãng lai CA, tài khoản vốn, tài khoản tài chính (KA) và các mục sai và sót (EO) cộng lại với nhau sẽ không còn bằng zero nữa. Thay vào đó, *trong hệ thống mới thì tài khoản vãng lai cộng tài khoản vốn cộng khoản sai và sót trừ tài khoản tài chính sẽ bằng zero.*

Để thấy được tất cả những điều này vận hành như thế nào trong thực tế, hãy xem xét một giao dịch nữa: một công ty của Hoa Kỳ xuất khẩu một dây chuyền sản xuất cho một công ty của Ý,

công ty Ý thanh toán bằng cách viết séc ở một ngân hàng Ý. Giao dịch này sẽ được ghi như là một khoản tăng xuất khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ - một số dương trong tài khoản vãng lai; đồng thời được ghi như một khoản tăng tài sản của Hoa Kỳ (séc từ một tổ chức nước ngoài) - một số dương trong tài khoản tài chính. Khoản tăng của xuất khẩu trừ khoản tăng tài khoản tài chính sẽ bằng zero.

Thật may mắn, sự thay đổi khá quan trọng này theo cách mà những giao dịch tài chính được trình bày trong hệ thống mới của IMF cũng tương đối dễ hiểu một khi chúng ta biết các quy tắc mới.

Bảng 6-1

Cán cân thanh toán của Hoa Kỳ, 1960-2000 (tỷ đôla)

	<u>1960</u>	<u>1970</u>	<u>1980</u>	<u>1990</u>	<u>2000</u>
(1) Tài khoản vãng lai	2,8	2,3	2,3	-79,0	-411,5
(2) Xuất khẩu	25,9	56,6	271,8	535,2	1070,1
(3) Hàng hóa	19,7	42,5	224,3	387,4	772,0
(4) Dịch vụ	6,3	14,2	47,6	147,8	298,1
(5) Nhập khẩu	-22,4	-54,4	-291,2	-616,1	-
					1445,4
(6) Hàng hóa	-14,8	-39,9	-249,8	-498,4	1224,4
(7) Dịch vụ	-7,7	-14,5	-41,5	-117,7	-221,0
(8) Nhận thu nhập	4,6	11,7	72,6	171,7	346,9
(9) Thanh toán thu nhập	-1,2	-5,5	-42,5	-143,2	-327,3
(10) Chuyển nhượng đơn phương, ròng	-4,1	-6,2	-8,3	-26,7	-55,7
(11) Tài khoản vốn và tài chính	-1,8	-2,1	-23,2	53,8	455,5
(12) Tài khoản vốn, ròng	0	0	0	-6,6	-0,8
(13) Tài sản, ròng	-4,1	-8,5	-85,8	-81,2	-569,8
(14) Tài sản dự trữ chính thức của Hoa Kỳ, ròng	2,1	3,3	-7,0	-2,2	-0,3
(15) Tài sản chính phủ Hoa Kỳ (không dự trữ), ròng	-1,1	-1,6	-5,2	2,3	-0,9

(16)	Tài sản tư nhân của Hoa Kỳ, ròng	-5,1	-10,2	-73,7	-81,4	-568,6
	Trong đó:					
(17)	Đầu tư trực tiếp	-2,9	-7,6	-19,2	-37,2	-159,2
(18)	Chứng khoán nước ngoài	-0,7	-1,1	-3,6	-28,8	-121,9
(19)	Nguồn vốn (các khoản nợ), ròng	2,3	6,4	62,6	141,6	1026,1
(20)	Đối với các tổ chức chính thức nước ngoài	1,5	6,9	15,5	33,9	37,7
(21)	Chứng khoán chính phủ Hoa Kỳ	0,7	9,4	11,9	30,2	30,7
(22)	Các nghĩa vụ nợ khác, ròng	0,8	-0,6	47,1	107,7	988,4
	Trong đó:					
(23)	Đầu tư trực tiếp	0,3	1,5	16,9	48,5	321,3
(24)	Chứng khoán Bộ Tài chính Hoa Kỳ	-0,4	0,1	2,6	-2,5	-76,9
(25)	Các chứng khoán khác	0,3	2,2	5,5	1,6	455,3
(26)	Sai số thống kê	-1,0	-0,2	20,9	25,2	-44,1

Nguồn: Dựa theo Phòng Phân tích Kinh tế

Ghi chú rằng trong một báo cáo BOP, thuật ngữ “tài sản (có)” (assets) và “nguồn vốn (nghĩa vụ nợ)” (liabilities) luôn luôn đề cập đến *những thay đổi* trong tài sản (có) và *những thay đổi* trong các nghĩa vụ nợ trong năm hay trong quý được báo cáo, chứ không phải là tổng tài sản (có) hay tổng nghĩa vụ nợ tồn cho đến năm hay quý đó. Ví dụ, trong báo cáo BOP của Hoa Kỳ ở bảng 6-1, người Mỹ nắm giữ tài sản của nước ngoài tăng lên một khoản 569,8 tỷ đôla năm 2000 (nhớ lại một khoản tăng trong mục tài sản thì được ghi như một khoản nợ (debit)), và trách nhiệm của người Mỹ đối với người nước ngoài tăng lên một khoản 1026,1 tỷ đôla (nhớ lại một khoản tăng trong khoản nghĩa vụ nợ được ghi như một khoản có (credit)). Mặc dù tổng số người Mỹ nắm giữ tài sản nước ngoài và tổng số người nước ngoài nắm giữ tài sản nước Mỹ thì lớn hơn nhiều, chúng không được ghi trong báo cáo BOP.

Nhìn vào số liệu các tài khoản chính của BOP năm 2000, theo hệ thống cũ: *tài khoản vãng lai cộng tài khoản vốn cộng khoản sai và sót cộng tài khoản tài chính sẽ bằng zero:*

$$(-411,5) + (-44,1) + (455,5) = 0$$

Bảng 6-2

Cán cân thanh toán của Hoa Kỳ, 2006-2010 (tỷ đôla)

Phiên bản đầu tiên theo hệ thống ghi mới của IMF

	<u>2006</u>	<u>2007</u>	<u>2008</u>	<u>2009</u>	<u>2010</u>
Cán cân tài khoản vãng lai	-800,6	-710,3	-677,1	-376,5	-470,9
Cán cân hàng hóa	-832,9	-814,6	-825	-502,5	-642,2
Xuất khẩu	1042,2	1168,2	1312,7	1072,9	1292,4
Nhập khẩu	1875,1	1982,8	2137,6	1575,4	1934,6
Cán cân dịch vụ	79,6	118	126,6	121,3	142,2
Xuất khẩu	418,5	488,2	532,5	504,8	546,8
Nhập khẩu	338,9	370,2	405,9	383,6	404,7
Cán cân thu nhập sơ cấp	44,2	101,5	147,1	128	165,2
Nhận	693	843,9	823,5	607,2	670,7
Thanh toán	648,9	742,4	676,4	479,2	505,5
Cán cân thu nhập (chuyển nhượng) thứ cấp	-91,5	-115,1	-125,9	-123,3	-136,1
Nhận	67,9	70,3	83,5	84,7	83,7
Thanh toán	159,5	185,4	209,3	208	219,8
Cán cân tài khoản vốn (ròng)	-1,8	0,4	6	-0,1	-0,2
Cán cân tài khoản tài chính (ròng)	-809,1	-617,3	-730,6	-245,9	-254,2
Chứng khoán phái sinh tài chính, ròng	-29,7	-6,2	32,9	-49,5	-13,7
Đầu tư trực tiếp, ròng	1,8	192,9	19	145	115,1
Tài sản	296,1	532,9	351,7	303,6	393,7
Nợ	294,3	340,1	332,7	158,6	278,6
Đầu tư gián tiếp, ròng	-633	-776,9	-809,4	9,9	-502,8
Tài sản	493,7	379,7	-285,7	369,8	186,1
Nợ	1126,7	1156,6	523,7	359,9	706,9
Đầu tư khác, ròng	-145,8	-27,1	22	-403,6	163,3
Tài sản	549,5	659,8	-380,3	-586,3	465,9
Nợ	695,3	686,9	-402,4	-182,7	302,6
Tài sản dự trữ	-2,4	0,1	4,8	52,3	1,8

Sai và sót	-6,7	92,7	-59,5	130,8	216,8
-------------------	-------------	-------------	--------------	--------------	--------------

Nguồn: Dựa theo Phòng Phân tích Kinh tế, Bảng A – Các giao dịch quốc tế của Hoa Kỳ (Phiên bản đầu tiên); <http://www.bea.gov/International/modern.htm>. Dựa trên dữ liệu công bố tháng 11/2011.

Nhìn vào số liệu các tài khoản chính của BOP năm 2006, theo hệ thống mới: *tài khoản vãng lai cộng tài khoản vốn cộng khoản sai và sót trừ tài khoản tài chính sẽ bằng zero*:

$$(-800,6) + (-1,8) + (-6,7) - (-809,1) = 0$$

Một ví dụ về cách ghi chép dữ liệu BOP Việt Nam theo phương pháp cũ và mới

Thể hiện trên bảng “BOP - Việt Nam 2015” là số liệu tóm tắt về cán cân thanh toán Việt Nam năm 2015 được hai tổ chức Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) lần lượt phát hành vào năm 2016 (theo phương pháp cũ) và 2017 (theo phương pháp mới).

Trước tiên, chúng ta thấy số liệu khá trùng khớp, sai số khá nhỏ (do nguồn khác nhau). Cán cân vãng lai CA đều có kết quả dương trong cả hai phương pháp cũ và mới, trong khi cán cân tài chính và khoản mục thay đổi dự trữ là nghịch dấu nhưng có cùng ý nghĩa kinh tế.

Đối với ADB (phương pháp cũ), cán cân tài chính dương thể hiện dòng vốn vào lớn hơn dòng vốn ra (hàm ý giảm nắm giữ tài sản ròng của nước ngoài năm 2015). Đối với IMF (phương pháp mới), cán cân tài chính âm thể hiện người nước ngoài nắm giữ thêm nhiều tài sản trong nước hơn là người trong nước nắm giữ thêm tài sản nước ngoài năm 2015 (hàm ý dòng vốn vào lớn hơn dòng vốn ra). Như vậy, phương pháp cũ, cán cân tài chính thể hiện kết quả dòng vốn vào ròng, trong khi đó phương pháp mới cán cân tài chính thể hiện sở hữu thêm tài sản ròng của nước ngoài - về ý nghĩa kinh tế là như nhau.

Phương pháp cũ: *tài khoản vãng lai cộng tài khoản vốn cộng khoản sai và sót cộng tài khoản tài chính (bao gồm thay đổi dự trữ) sẽ bằng zero*

$$884 + 0 + (-8503) + (1587 + 6032) = 0$$

Phương pháp mới: *tài khoản vãng lai cộng tài khoản vốn cộng khoản sai và sót trừ tài khoản tài chính (bao gồm thay đổi dự trữ) sẽ bằng zero*

$$906 + 0 + (-8513) - [(-1575) + (-6032)] = 0$$

BOP - Việt Nam 2015

Đơn vị: Triệu USD

	PP Cũ (ADB, 2016)	PP Mới (IMF, 2017)
Cán cân vãng lai CA (1)	884	906
Cán cân vốn (2)	-	-
Cán cân tài chính (3)	1587	-1575
Cán cân (1), (2), (3) [IMF]		2481
Sai và sót (EO)	-8503	-8513
Cán cân tổng thể [ADB]	-6032	
Thay đổi dự trữ (ΔFR)	6032	-6032

Nguồn: Châu Văn Thành

Dấu "+": FR giảm

Dấu "-": FR giảm

Dấu "+": \$Vào > \$Ra = Thặng dư

Dấu "-": Tài sản < Nợ = Thặng dư